

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 09 - 6 - 2022  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Nay

Ông Đào Văn Vĩnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn C, huyện V, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh S, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn C, huyện V, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Lâm Thị L trình bày: Bà và ông Lê Thanh S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào khoảng năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Về con chung: Bà L và ông S chung sống với nhau có một người con chung là cháu Lê Minh N sinh năm 2001, hiện cháu N đã trưởng thành và đang sống chung với bà L.

Về tài sản chung: Sau khi cưới, bà L và ông S được cha mẹ ông S cho ra riêng, được nhà nước cho nhà tình thương cất trên đất của cha mẹ ông S, hiện căn nhà này đã sập, không còn. Tài sản chung không có, nợ chung không có. Quá trình chung sống, ông S với bà L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông S. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bị đơn ông Lê Thanh S trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về việc tự nguyện chung sống, không đăng ký kết hôn; về con chung có một người con chung là cháu Lê Minh N, sinh năm 2001, hiện cháu N đang sống chung với bà L.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông S đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà L. Con chung đã trưởng thành nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và N vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà L, ông S không phải là vợ chồng; về con chung là cháu Lê Minh N sinh năm 2001, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết. Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lâm Thị L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh S; hiện ông S đang cư trú tại ấp Nhà Thờ, thị trấn Châu Hưng, huyện V, tỉnh B, nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, quá trình làm việc, bà L và ông S đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông S.

[2] Về hôn nhân: Vào khoảng năm 1997 bà L và ông S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, là hôn nhân không hợp pháp. Bà L cho rằng, trong quá trình chung sống, bà L với ông S có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn này không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo nên bà L yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông S. Phía ông S cũng đồng ý theo yêu cầu bà L. Xét thấy, do bà L và ông S không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản... được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình ”*. Do vậy, Tòa án không công nhận bà L và ông S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà L và ông S thống nhất anh chị có một người con chung là cháu Lê Minh N, sinh 2001. Bà L và ông S xác định, hiện cháu N đã trưởng thành và đang sống chung với bà L, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông S thống nhất xác định ông, bà không có tạo lập tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà L phải nộp 300.000 đồng, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000943 ngày 24/3/2022, được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Thị L và ông Lê Thanh S là vợ chồng.

**2.** Về con chung: Bà Lâm Thị L và ông Lê Thanh S thống nhất bà L và ông S có một người con chung là cháu Lê Minh N, sinh 2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**3.** Về tài sản chung: Bà Lâm Thị L và ông Lê Thanh S xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**4.** Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Lâm Thị L phải nộp 300.000 đồng, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000943 ngày 24/3/2022, được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thụy Lan Chi**